

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2018/HSST**.

Ngày: 21/5/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH – TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp

Ông Trần Hoàng Sự

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 06/TB-TA ngày 15/5/2018 đối với bị cáo:

Lê Thị Lan H, sinh ngày 22 tháng 6 năm 1994 tại Hà Tĩnh. Nơi đăng ký HKTT: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Hà Tĩnh; Tạm trú: ấp 3, xã H, huyện N tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Công nhân; con ông Lê Văn H - sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1970; có chồng là Nguyễn Minh Q - sinh năm 1994, chưa có con.

Tiền án: không;

Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Bị hại: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện A, tỉnh An Giang.

Tạm trú: ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Lan H là người ở chung phòng trọ với chị Nguyễn Thị L tại cơ sở trọ của ông Nguyễn Phong V - thuộc ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Do biết

chị L để tài sản trên tấm la phong phòng trọ nên H nảy sinh ý định trộm cắp. Khoảng 20 giờ ngày 18/02/2018, lợi dụng lúc chị L không có mặt tại phòng trọ, H đã lên gác lục tìm tài sản. H lấy được 01 cái bóp bên trong có số tiền 14.000.000 đồng và 01 nhẫn vàng 24K của chị L. Sau đó H sử dụng số tiền vừa trộm cắp của chị L tiêu xài hết 3.000.000 đồng.

Đến ngày 19/02/2018 H đến Công an xã H đầu thú và tự nguyện giao nộp lại số tiền còn lại 11.000.000 đồng và 01 nhẫn vàng 24K.

* Vật chứng thu giữ gồm: số tiền 11.000.000 đồng, 01 nhẫn kim loại màu vàng và 01 cái bóp da màu đỏ là tài sản của chị L.

* Tại kết luận định giá tài sản số 38/KLĐG-HĐĐG ngày 22/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện N xác định: 01 nhẫn kim loại màu vàng, loại vàng 9999, trọng lượng 01 chỉ trị giá 3.703.000 đồng.

Như vậy tổng giá trị tài sản mà H đã chiếm đoạt của chị L là 17.703.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 53/CT.VKS-NT ngày 27/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Lê Thị Lan H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Lan H từ 12 đến 14 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên Tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo Lê Thị Lan H không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Vào khoảng 20 giờ, ngày 18/02/2018 Lê Thị Lan H đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 14.000.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng 24K trị giá 3.703.000 đồng của chị Nguyễn Thị L tại phòng trọ thuộc cơ sở trọ của ông Nguyễn Phong V (ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai). Đến ngày 19/02/2018 H đến Công an xã H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Tổng giá trị tài sản H đã chiếm đoạt của chị L là 17.703.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội nên có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Lê Thị Lan H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là phù hợp.

[3]. Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo Lê Thị Lan H có nhân thân tốt.

Tính chất, mức độ của hành vi: Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vì không có nghề nghiệp ổn định và muốn có tiền tiêu xài bị cáo vẫn cố tình thực hiện, do vậy cần xét xử nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phần lớn tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú. Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 cho bị cáo khi quyết định hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, tội danh và mức hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 11.000.000 đồng, 01 chiếc nhẫn vàng 24K và 01 cái bóp da màu đỏ là tài sản hợp pháp của chị L, Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Chị L không yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 3.000.000 đồng nên không xem xét.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Lê Thị Lan H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 136, khoản 1 Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Lan H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Xử phạt bị cáo Lê Thị Lan H 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/02/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Thị Lan H phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án ./.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại ;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Thi hành án;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai